

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THANH XUÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **477/2022/ST-HNGĐ**

Ngày: 30/8/2022

V/v *Tranh chấp xin ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thu Hương**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng

Ông Đặng Như Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Huyền Trang**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
tham gia phiên tòa: Ông **Trương Văn Tiến** - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 408/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 286/2022/QĐXX-ST ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1989; Căn cước công dân số: 03618901**** do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 16.9.2021; Nơi thường trú: Tổ *, M, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; Chỗ ở hiện nay: Xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Ông Vũ Đ A, sinh năm 1986; Căn cước công dân số: 00808601**** do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27.12.2021; Nơi thường trú: Tổ *, M, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; Chỗ ở hiện nay: Số **, hẻm **/**/* T, phường T, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Tại Đơn xin ly hôn, các Bản tự khai, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Vũ Đ A đăng ký kết hôn ngày 20/10/2009 tại UBND Xã H, huyện H, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự nguyện. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống thời gian đầu tại Tuyên Quang. Khoảng từ năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm lối sống, không hợp nhau về cách sống, thường xuyên xảy ra cãi cọ, xô sát. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, ông Vũ Đ A đến cư trú tại Số **, hẻm **/**/ T, phường T, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội và làm ăn tại Hà Nội, bà Nguyễn Thị T đến Nam Định làm ăn, hai bên đã sống ly thân và không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Bà T nhận thấy rằng tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, càng kéo dài càng thêm mâu thuẫn và bà xác định đã hết tình cảm và không thể duy trì quan hệ hôn nhân với ông Đ A. Do vậy, bà Nguyễn Thị T làm đơn xin ly hôn với ông Vũ Đ A.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Vũ Đ A xác nhận có 02 con chung là Vũ Hoàng Q, sinh ngày 26/3/2010 và Vũ H A, sinh ngày 03/11/2011. Hiện tại các con đang ở với Bà T, do bà chăm sóc nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn Bà T có nguyện vọng nuôi cả 02 cháu và không yêu cầu ông Vũ Đ A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung gồm động sản và bất động sản: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Bà T xác nhận đến thời điểm xét xử ông bà không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nên bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

Các vấn đề khác: Bà T không có yêu cầu gì khác.

Về án phí: Bà T chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã xuất trình các tài liệu, chứng cứ sau: 01 Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Bản sao Giấy khai sinh của con; Bản sao sổ hộ khẩu; Giấy tờ nhân thân khác.

Đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T có xác nhận chữ ký của Văn phòng công chứng V ngày 29/7/2022, số công chứng 1693, quyển số 01/2022 SCT/CK-DC.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị T có đơn xin vắng mặt.

[2]. Tại Bản tự khai, bị đơn là ông Vũ Đ A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Đ A và bà Nguyễn Thị T đăng ký kết hôn

ngày 20/10/2009 tại UBND Xã H, huyện H, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự nguyện. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống thời gian đầu tại Tuyên Quang. Khoảng từ năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm lối sống, không hợp nhau về cách sống, thường xuyên xảy ra cãi cọ, xô sát. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, ông Vũ Đ A đến cư trú tại Số **, hẻm **/**/* T, phường T, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội và làm ăn tại Hà Nội, còn bà Nguyễn Thị T đến Nam Định làm ăn, hai bên đã sống ly thân và không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Ông nhận thấy hôn nhân càng kéo dài càng thêm mâu thuẫn và xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Do vậy, Bà T làm đơn xin ly hôn, ông đồng ý.

Về con chung: Ông Vũ Đ A và bà Nguyễn Thị T xác nhận có 02 con chung là Vũ Hoàng Q, sinh ngày 26/3/2010 và Vũ H A, sinh ngày 03/11/2011. Hiện tại các con đang ở với Bà T, do bà chăm sóc nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn Bà T có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung, ông đồng ý.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Vũ Đ A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung gồm động sản và bất động sản: Ông Vũ Đ A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Ông Vũ Đ A xác nhận đến thời điểm xét xử ông bà không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nên bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

Các vấn đề khác: Ông Vũ Đ A không có yêu cầu gì khác.

Về án phí: Ông Vũ Đ A chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay: Bà Nguyễn Thị T, ông Vũ Đ A vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày và xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Vũ Đ A. Về con chung: Giao 02 con chung là Vũ Hoàng Q, sinh ngày 26/3/2010 và Vũ H A, sinh ngày 03/11/2011 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thỏa thuận khác. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Vũ Đ A cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 đồng/tháng. Ông Anh

được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Về tài sản chung, công nợ chung: Ông Đ A và Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T xin ly hôn đối với ông Vũ Đ A là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là ông Vũ Đ A, Chỗ ở hiện nay: Số **, hẻm **/**/* T, phường T, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân.

- Về việc giải quyết vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Bà Nguyễn Thị T và ông Vũ Đ A đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và các đương sự đã có ghi rõ quan điểm trong việc giải quyết vụ án, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Bà Nguyễn Thị T và ông Vũ Đ A xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ, xin vắng mặt. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T xin ly hôn đối với ông Vũ Đ A thấy:

Bà Nguyễn Thị T và ông Vũ Đ A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 20/10/2009 tại UBND Xã H, huyện H, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp.

Ông, bà phát sinh mâu thuẫn từ năm 2021 do bất đồng quan điểm, lối sống không hợp nhau, ông Vũ Đ A đã chuyển ra ngoài và sống ly thân, nguyên nhân vợ chồng không có sự đồng cảm, chia sẻ, thương yêu và tôn trọng lẫn nhau, nên thường nảy sinh những bất đồng. Ông bà cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng kết quả không thể hàn gắn được, nên Bà T làm đơn xin ly hôn với ông, ông

đồng ý. Hội đồng xét xử nhận thấy quá trình chung sống của ông Đ A, Bà T xác định mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, bà Nguyễn Thị T xin ly hôn, ông Vũ Đ A đồng ý, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà T, giải quyết cho Bà T được ly hôn ông Vũ Đ A.

Về con chung: Ông Vũ Đ A và bà Nguyễn Thị T xác nhận có 02 con chung là Vũ Hoàng Q, sinh ngày 26/3/2010 và Vũ H A, sinh ngày 03/11/2011. Sau khi ly hôn Bà T có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung, ông Vũ Đ A đồng ý. Giao cháu Vũ Hoàng Q và cháu Vũ H A cho Bà T chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18) tuổi hoặc khi có thay đổi khác về quyền nuôi con. Ông Vũ Đ A được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Vũ Đ A cấp dưỡng nuôi con chung 10.000.000 đồng/tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung, nhà đất chung và vay nợ chung: Ông Vũ Đ A và bà Nguyễn Thị T tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về những vấn đề khác: Ông Vũ Đ A và bà Nguyễn Thị T không có yêu cầu gì khác.

Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, ông Vũ Đ A phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Vũ Đ A.

Bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Vũ Đ A.

2. Về con chung: Ông Vũ Đ A và bà Nguyễn Thị T có 02 con chung là Vũ Hoàng Q, sinh ngày 26/3/2010 và Vũ H A, sinh ngày 03/11/2011. Giao cháu Vũ Hoàng Q và cháu Vũ H A cho bà Nguyễn Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18) tuổi hoặc khi có thay đổi khác về quyền nuôi con. Ông Vũ Đ A được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Vũ Đ A cấp dưỡng nuôi con chung 10.000.000 đồng/tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung, nhà đất chung và vay nợ chung: Ông Vũ Đ A và bà Nguyễn Thị T tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về những vấn đề khác: Ông Vũ Đ A và bà Nguyễn Thị T không có yêu cầu gì khác.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0007997 ngày 08/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Bà Nguyễn Thị T đã nộp xong tiền án phí.

Ông Vũ Đ A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Nguyễn Thị T và ông Vũ Đ A vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ./.

*** Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND quận Thanh Xuân;
- Chi cục THADSQ Thanh Xuân;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Thu Hương